

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /UBND-NN

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

V/v báo cáo hiện trạng các trạm
bơm phục vụ sản xuất nông
nghiệp

Kính gửi: - UBND các xã, thị trấn: Phước Thành, Phước An, Phước
Lộc, Phước Hiệp, Phước Nghĩa, Phước Hưng, Phước
Quang, Phước Hòa, Tuy Phước và Diêu Trì;
- Giám đốc các HTX NN: Phước Thành, Phước An,
Phước Lộc, Phước Hiệp, Phước Nghĩa, Phước Hưng,
Phước Quang, Phước Hòa và thị trấn Tuy Phước.

Thực hiện Văn bản số 3236/SNN-TL ngày 25/9/2024 của Sở Nông nghiệp và
PTNT tỉnh Bình Định về việc báo cáo hiện trạng các trạm bơm phục vụ sản xuất
nông nghiệp;

Để có cơ sở tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT, báo cáo UBND tỉnh,
UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn có trạm bơm phục vụ sản xuất nông
nghiệp chỉ đạo Giám đốc các HTX NN thực hiện báo cáo một số nội dung sau:

1. Báo cáo các thông số kỹ thuật và hiện trạng công trình trạm bơm, kèm
hình ảnh hiện trạng công trình (*theo mẫu Phụ lục I, II*).

2. Báo cáo hoạt động thu, chi trong quá trình vận hành các công trình trạm
bơm (*theo mẫu Phụ lục III*); Báo cáo sơ bộ việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng
trạm bơm: tài sản hình thành từ đâu, có mở sổ theo dõi tài sản kết cấu hạ tầng
không.

3. Đánh giá tình hình hoạt động, tình hình quản lý, khai thác các công trình
trạm bơm. Những đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Báo cáo của UBND các xã, thị trấn đề nghị gửi về UBND huyện (*thông qua
Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện*) chậm nhất **đến ngày 8/10/2024** để tổng hợp
cho UBND huyện gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT chậm nhất **đến ngày
10/10/2024** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn nêu trên và Giám đốc các HTX
NN có trạm bơm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Xuân);
- Phòng NN&PTNT huyện (để tổng hợp)
- CVP, PCVP - 2;
- Lưu: VT, K1.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân

Phụ lục I:
CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA TRẠM BƠM

TT	Tên trạm bơm	Địa điểm XD	Năm XD	Năm nâng cấp, sửa chữa	Phân loại trạm bơm theo:			Nhiệm vụ TK/ thực tế của trạm bơm (ha)	Số lượng máy bơm	Loại máy bơm	Lưu lượng TK trạm bơm $Q_{tr.TK}$ (m ³ /s)	Lưu lượng máy bơm Q_b (m ³ /s)	Công suất động cơ N _{đc} (Số máy x P _{1máy}) (kW)	Hồ sơ thiết kế	Đánh giá hiệu quả công trình
					Nhiệm vụ	Dạng năng lượng	Quy mô								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Ghi chú: (3) Địa điểm XD: Điền thông tin đến cấp thôn, xã, huyện.

(6) Nhiệm vụ: Tưới/Tiêu/Tưới tiêu kết hợp. (7) Dạng năng lượng: điện/dầu/xăng. (8) Quy mô: lớn/vừa/nhỏ/tạm.

(9) Nhiệm vụ thiết kế/nhiệm vụ thực tế của trạm bơm: ví dụ nhiệm vụ thiết kế là 30 ha, nhiệm vụ thực tế là 45ha thì ghi là 30/45.

(11) Loại máy bơm: trực ngang, trực đứng, trực xiên.

(14) Công suất động cơ N_{đc}: ví dụ 4 máy, mỗi máy 33Kw, thì ghi 4x33

(15) Hồ sơ thiết kế: có (đầy đủ/không đầy đủ)/ không.

(16) Đánh giá hiệu quả công trình: có/ không.

Phụ lục II:
HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH TRẠM BƠM

TT	Tên trạm bơm	Địa điểm XD	Tọa độ VN 2000	Công trình lấy nước	Công trình dẫn nước đến nhà máy bơm	Bể lắng cát	Bể hút	Nhà máy bơm	Ống đẩy	Bể xả	Thiết bị cơ khí (cửa van, cửa phai, lưới chắn rác,...)	Hạng mục khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1			X:.... Y:....									
2												
3												

Ghi chú: Các nội dung từ (5)-(13) cần nêu rõ hiện trạng (*kèm theo các hình ảnh*), cụ thể:

- Mô tả hiện trạng hạng mục công trình; đánh giá việc vận hành khai thác (vận hành bình thường/khó khăn/không vận hành được).
- Đánh giá kết cấu công trình: tốt/bình thường/hư hỏng nhẹ/hư hỏng nặng.

Phụ lục III:
TÌNH HÌNH THU, CHI CỦA TRẠM BƠM

TT	Tên Trạm bơm	Địa điểm XD	Cơ cấu nguồn thu				Cơ cấu chi			Ghi chú
			Hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích TL (%)	Thu phí thủy lợi nội đồng từ người dân (%)	Từ hoạt động kinh doanh dịch vụ khác (%)	Nguồn thu khác (%)	Quản lý (%)	Vận hành (%)	Bảo trì công trình (%)	
1										
2										